

Số: 108 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải tại Văn bản số 23/BVNTH ngày 03 tháng 11 năm 2024 về việc giải trình, chỉnh sửa bổ sung một số nội dung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 481/TTr-STNMT ngày 07 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải (địa chỉ: Thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 000144/SYT-GPHĐ do Sở Y tế cấp ngày 26/5/2017.

1.4. Mã số thuế: 1000573771.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của Cơ sở: 10.966,2 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 900790 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp ngày 20/9/2019, số vào sổ cấp GCN: "CT" 03946).

- Công suất thiết kế của Cơ sở: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *PV*

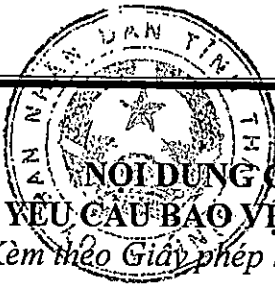
Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Tiền Hải;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT. *-rưng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108/GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà khám và điều hành.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà khám ngoại sản 3 chuyên khoa.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu nhà nội nhi cấp cứu đông y.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu nhà lây.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu nhà ăn và chạy thận.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu giặt là.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu dân cư thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung của khu dân cư thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m)= 2250640.83; Y(m)= 609021.46

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', mũi chiếu 3°)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm, tương đương 4,17 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý bơm cưỡng bức xả vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số K = 1,2; đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, sử dụng hệ

số K = 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	TSS	mg/l	60	
5	S ²⁻	mg/l	1,2	
6	NH ₄ ⁺	mg/l	6	
7	NO ₃ ⁻	mg/l	36	
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH	
	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh của Bệnh viện được thu gom, xử lý sơ bộ qua 12 bể tự hoại có tổng thể tích 102 m³ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom, chảy qua song chắn rác để tách bỏ rác thải có kích thước lớn sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nước thải từ các khu vực khám chữa bệnh bao gồm: Phòng đẻ, phòng mổ, phòng kỹ thuật, xét nghiệm được thu gom chảy qua song chắn rác để tách bỏ rác thải có kích thước lớn sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Nước thải từ các khu vực giặt là được thu gom qua 2 hố gom thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

Mạng lưới thu gom nước thải: Đường ống uPVC D200 tổng chiều dài 360 m, hồ gom 18 cái dẫn toàn bộ nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Mạng lưới thoát nước thải: Đường ống PVC D90 dài 3 m dẫn nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung ra hệ thống thoát nước chung của khu dân cư thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện công suất 100 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số K = 1,2; đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, sử dụng hệ số K = 1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ các khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn, khu vực khám chữa bệnh, khu vực giặt là → Hồ ga nước thải đầu vào → Bể thu gom (bể điều hòa) → Thiết bị hợp khối công nghệ AAO (Ngăn yếm khí → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lọc → Ngăn khử trùng) → Hồ ga thu nước thải đầu ra → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa: Tuân thủ đúng các bước vận hành của trạm xử lý nước thải, lập sổ theo dõi, ghi chép hoạt động của trạm hàng ngày, ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố, nạo vét bùn thải định kỳ, trang bị máy phát điện và các thiết bị dự phòng đảm bảo trạm xử lý nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện..

- Biện pháp ứng phó: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra ngoài môi trường; lưu chứa vào 02 hồ bọt dự phòng bằng HDPE dung tích 100 m³/hồ; tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải, khi nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A giá trị C_{max} (áp dụng với hệ số K = 1,2; đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera, sử dụng hệ số K = 1) mới được xả thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải.

3.3. Thực hiện các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế.

3.6. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.





Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108/GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 76 kVA.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí đặt máy phát điện dự phòng ứng với nguồn số 01 có tọa độ:

$X(m) = 2250621.26; Y(m) = 609024.30$.

- Vị trí khu vực trạm xử lý nước thải tập trung ứng với nguồn số 02 có tọa độ:

$X(m) = 2250634.18; Y(m) = 609019.93$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:
1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí vị trí đặt máy phát điện dự phòng hợp lý, riêng biệt; lắp đặt chân đế, bệ máy và lắp đặt các đệm chống ồn, rung cho thiết bị; định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo

duỡng đối với máy phát điện dự phòng.

- Trồng cây xanh khuôn viên Bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108/GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	12
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	30
3	Chất thải lây nhiễm	6.354
4	Chất thải hóa học nguy hại	172
5	Bình chứa áp suất	400
	Tổng khối lượng	6.968

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh	1.800
2	Các vật liệu nhựa, bơm kim tiêm không dính máu	800
3	Chất thải phát sinh từ các công việc hành chính	400
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	600
5	Bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải	1.500
	Tổng khối lượng	5.100

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	62.999
	Tổng khối lượng	62.999

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng, tủ bảo quản lạnh.
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 20,88 m²; thiết kế, cấu tạo: Mái lợp tôn, nền xi măng, tường bao kín xung quanh.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.
- Kho lưu giữ chất thải thông thường: Diện tích 16 m²; thiết kế, cấu tạo: Mái lợp tôn, nền xi măng, tường bao kín xung quanh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

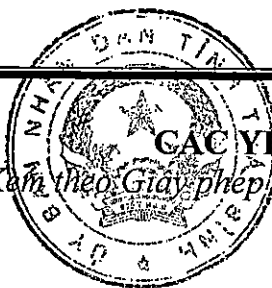
2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 108, Điều 109, Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 72, Điều 73, Điều 74 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 04

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 108/GPMT-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thu gom, quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
2. Bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định.
5. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.